

# TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH BIÊN GIỚI CAC-BON (CBAM) CỦA EU TỚI MỘT SỐ NGÀNH HÀNG XUẤT KHẨU CÓ CƯỜNG ĐỘ CAC-BON CAO CỦA VIỆT NAM VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ

*Ngô Đức Thanh<sup>1</sup>, Nguyễn Hồng Thom<sup>2</sup>*

*Tháng 3 năm 2021, Nghị viện Châu Âu đã thông qua Nghị quyết ủng hộ việc áp dụng cơ chế điều chỉnh biên giới Carbon (CBAM) tương thích với WTO. Ủy ban châu Âu đã công bố đề xuất CBAM trong Thỏa thuận Xanh Châu Âu, đối với các lĩnh vực nhất định, để giảm nguy cơ rò rỉ carbon. Điều này đảm bảo rằng giá hàng nhập khẩu phản ánh chính xác hơn hàm lượng carbon và tuân thủ các quy tắc của Tổ chức Thương mại Thế giới và các nghĩa vụ quốc tế khác của EU. Cơ chế này là một giải pháp thay thế cho các biện pháp giải quyết rủi ro rò rỉ carbon trong Hệ thống mua bán phát thải của EU (“EU ETS”) và nhằm giảm lượng phát thải ra bên ngoài thông qua việc phân bổ lại sản xuất hoặc tăng nhập khẩu các sản phẩm ít carbon hơn nhằm tránh sự gia tăng tổng lượng khí thải toàn cầu. Bài viết xem xét CBAM của EU và đưa ra một số khả năng tác động đến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Liên minh châu Âu trong thời gian tới.*

*Từ khóa: Cơ chế điều chỉnh biên giới (Carbon); Liên minh châu Âu (EU); Xuất khẩu.*

## **1. Khái quát về Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM)**

Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM) được chính thức đề xuất lần đầu tiên vào ngày 11 tháng 12 năm 2019 trong khuôn khổ Thỏa thuận xanh của Liên minh châu Âu và đã được Nghị viện châu Âu (EP) phê duyệt. Đề xuất được thông qua vào ngày 10 tháng 3 năm 2021 và trở thành một trong bốn cơ chế định giá các-bon trong kế hoạch của EU. Ngoài cơ chế CBAM, EU cũng sẽ sửa đổi Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính (ETS), bao gồm kế hoạch loại bỏ dần việc phân bổ miễn phí cho hầu hết các lĩnh vực công nghiệp, cải cách Chi thị đánh thuế năng lượng (ETD) nhằm dừng trợ cấp cho ngành nhiên liệu hóa thạch và áp dụng một loại thuế mới đối với nhựa.

Dựa trên đề xuất tháng 3 năm 2021, Ủy ban Châu Âu (EC) đã tiến hành các cuộc họp tham vấn với các quốc gia thành viên cũng như các chuyên gia, nhà khoa học và doanh nghiệp. Với những khuyến nghị này, Ủy ban đã sửa đổi dự thảo và trình lên EC. Vào ngày 14 tháng 7 năm 2021, EC đã chính thức ban hành cơ chế CBAM được đề xuất để xem xét. Phiên bản cuối cùng sẽ được đưa ra bỏ phiếu tại Nghị viện Châu Âu. Để một chỉ thị trở thành luật ở EU phụ thuộc vào một số yếu tố. Nếu cơ chế CBAM được đề xuất như một loại thuế các-bon hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt (ví dụ: thuế nhập khẩu), sẽ phải được thông qua bằng “thủ tục đặc biệt”. Điều này có nghĩa là tất cả các quốc gia thành viên trong EU, bỏ phiếu trong Hội đồng Liên minh châu Âu, phải đồng ý nhất trí với văn bản. Nghị viện EU sẽ chỉ có vai trò tham vấn trong quá trình này. Tuy nhiên, cơ chế CBAM không được đưa ra như một đề xuất về thuế. Thay vào đó, được cấu trúc như một cơ chế hỗ trợ hệ thống ETS của châu Âu, và do đó, thủ tục bỏ phiếu thông thường sẽ được áp dụng. Hội đồng Liên minh châu Âu có thể thông qua CBAM bằng việc đạt đa số phiếu đủ điều kiện của 55% các Quốc gia thành viên EU đại diện

<sup>1</sup> Phó trưởng phòng Nghiên cứu Môi trường và phát triển bền vững - Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương – Bộ Công Thương

<sup>2</sup> Nghiên cứu viên - Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương – Bộ Công Thương

cho ít nhất 65% dân số EU. Do đó, nhiều khả năng, cơ chế CBAM sẽ được phê duyệt vào năm 2022 và triển khai vào năm 2023.

## 1.1. Mục tiêu

*Thứ nhất:* EU đã đề xuất cơ chế CBAM như một phần của hệ thống ETS với mục đích chính là ngăn chặn rò rỉ các-bon bằng cách tạo ra một sân chơi bình đẳng giữa các nhà sản xuất tuân thủ các quy định của EU và các nhà sản xuất ở các nước không thuộc EU. Điều này cho phép tạo ra sự thay thế cho các hạn ngạch được phân bổ miễn phí cho các nhà sản xuất tại EU có nguy cơ rò rỉ các-bon cao. Theo đó, các nhà nhập khẩu bắt buộc phải mua chứng chỉ CBAM. Các chứng chỉ này sẽ được đưa ra thị trường trong khoảng thời gian từ năm 2026 đến năm 2035, đồng thời với việc loại bỏ dần các hạn ngạch được phân bổ miễn phí cho các ngành có rủi ro cao ở EU.

*Thứ hai:* EU cũng coi cơ chế CBAM là một phương thức để đáp ứng tham vọng gia tăng về giảm 55% phát thải khí nhà kính so với mức năm 1990 vào năm 2030 và đạt nền kinh tế trung hòa các-bon vào năm 2050. Về khía cạnh này, cơ chế CBAM phù hợp với gói biện pháp "Hướng đến 55". Các biện pháp trong gói "Hướng đến 55" là các nỗ lực của EU nhằm cải cách các chính sách hiện hành để phù hợp tham vọng giảm KNK đặt ra, bao gồm:

**Hình 1.1: Các biện pháp "Hướng đến 55"**

(1) Sửa đổi hệ thống EU-ETS, bao gồm mở rộng phạm vi sang vận tải, sửa đổi các quy tắc về phát thải hàng không và thiết lập một hệ thống ETS riêng cho vận tải đường bộ và các tòa nhà	(6) Sửa đổi chỉ thị về việc triển khai cơ sở hạ tầng nhiên liệu thay thế;
(2) Sửa đổi quy định về việc áp dụng các mục tiêu cắt giảm của các quốc gia thành viên trong các lĩnh vực bên ngoài phạm vi của hệ thống EU-ETS	(7) Sửa đổi quy định thiết lập tiêu chuẩn khí thải CO <sub>2</sub> cho ô tô và xe tải;
(3) Sửa đổi quy định về bao gồm phát thải khí nhà kính từ việc sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và lâm nghiệp (LULUCF)	(8) Sửa đổi chỉ thị thuế năng lượng;
(4) Sửa đổi chỉ thị năng lượng tái tạo;	(9) Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon;
(5) Rà soát chỉ thị tiết kiệm năng lượng;	(10) Tái cung cấp nhiên liệu cho Hàng không EU để phát triển nhiên liệu hàng không bền vững;
	(11) Cung cấp nhiên liệu cho Hàng hải EU để phát triển không gian hàng hải xanh của Châu Âu;
	(12) Quỹ môi trường xã hội;
	(13) Chiến lược rừng của EU <sup>3</sup>

*Thứ ba:* EU mong muốn cơ chế CBAM khuyến khích các đối tác thương mại ngoài EU thực hiện các biện pháp tham vọng hơn để hạn chế phát thải KNK. Lưu ý, vào cuối năm tài chính, các nhà nhập khẩu sẽ có thể bù trừ bất kỳ khoản hạn ngạch hoặc thuế các-bon nào đã nộp tại nước xuất khẩu. Các quốc gia có mức độ hiệu quả về giảm phát thải bằng hoặc cao hơn có thể đủ điều kiện miễn trừ khỏi cơ chế CBAM. Do đó, EU sẽ sử dụng cơ chế CBAM để tạo ra một nhóm đối tác thương mại có cùng chí hướng, khuyến khích các thành viên mới thông qua các chính sách và chương trình hỗ trợ tăng cường tham vọng phi các-bon hóa.

## 1.2. Nguyên tắc hoạt động

<sup>3</sup> [https://ec.europa.eu/info/strategy/priorities-2019-2024/european-green-deal/delivering-european-green-deal\\_en](https://ec.europa.eu/info/strategy/priorities-2019-2024/european-green-deal/delivering-european-green-deal_en)

Cơ chế CBAM phải nhất quán với một số nguyên tắc của WTO được áp dụng cho bất kỳ cơ chế điều chỉnh biên giới nào.<sup>4</sup> Trong số này, ba điều quan trọng cần được đề cập. Đó là sự không phân biệt đối xử đối với các hàng hóa tương tự, đối xử bình đẳng giữa các quốc gia và sửa đổi các điều kiện cạnh tranh nhằm gây bất lợi cho các sản phẩm nhập khẩu. Trong mỗi trường hợp, những người xây dựng cơ chế CBAM đã thận trọng trong cách diễn đạt và rõ ràng đã có sự tham chiếu đến các quy tắc của WTO. Đối với vấn đề không phân biệt đối xử, các khoản thanh toán của các nhà nhập khẩu được tính trên cơ sở giá đầu giá trung bình hàng tuần cho các hạn ngạch trong hệ thống ETS cho các sản phẩm trong các ngành tương tự. Do đó, các thực thể thuộc phạm vi điều chỉnh của CBAM phải trả phí cho lượng phát thải KNK của họ với tỷ lệ trên mỗi tấn CO<sub>2</sub> tương đương như các đối tác châu Âu. Tuy nhiên, các khoản thanh toán này sẽ không trùng lặp với thuế phát thải do các nhà sản xuất ở các nước xuất khẩu phải trả vì chi phí của các khoản phí và thuế này có thể được trừ vào chi phí của chứng chỉ CBAM vào cuối năm. Nói cách khác, chi phí phát thải sẽ không phải trả gấp đôi. Về đối xử bình đẳng giữa các quốc gia, cơ chế CBAM sẽ được áp dụng bình đẳng giữa tất cả các đối tác thương mại của EU cũng như giữa tất cả các thành viên của Liên minh thuế quan châu Âu. Nếu cơ chế CBAM có bất kỳ sự phân biệt nào về nghĩa vụ đối với bất kỳ đối tác thương mại nào của EU hoặc cho phép bất kỳ thành viên nào của Liên minh thuế quan tuân theo các chính sách khác nhau, thì EU sẽ vi phạm các quy định của WTO. Trên cơ sở đó, cơ chế CBAM sẽ không miễn trừ cho các nước kém phát triển nhất. Cuối cùng, liên quan đến việc sửa đổi các điều kiện cạnh tranh, EU đã cẩn thận sắp xếp cơ chế CBAM trong một loạt các chính sách nội bộ về khí hậu, một số trong số đó đã được áp dụng trong nhiều thập kỷ. Do đó, cơ chế CBAM có thể sẽ được biện minh theo Điều XX của GATT 1994 (miễn trừ đối với việc bảo vệ tài nguyên, cuộc sống con người và sức khỏe) vì EU sẽ có thể chỉ ra rằng 195 thành viên của Hội nghị các bên gần đây đã thông qua bản tóm tắt Báo cáo đánh giá lần thứ sáu của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu trình bày chi tiết về tác động tàn phá của biến đổi khí hậu. Đó là những nguy cơ mà các chính sách các-bon của EU đang cố gắng tránh.

### **1.3. Nội dung**

#### **1.3.1. Phạm vi áp dụng của CBAM**

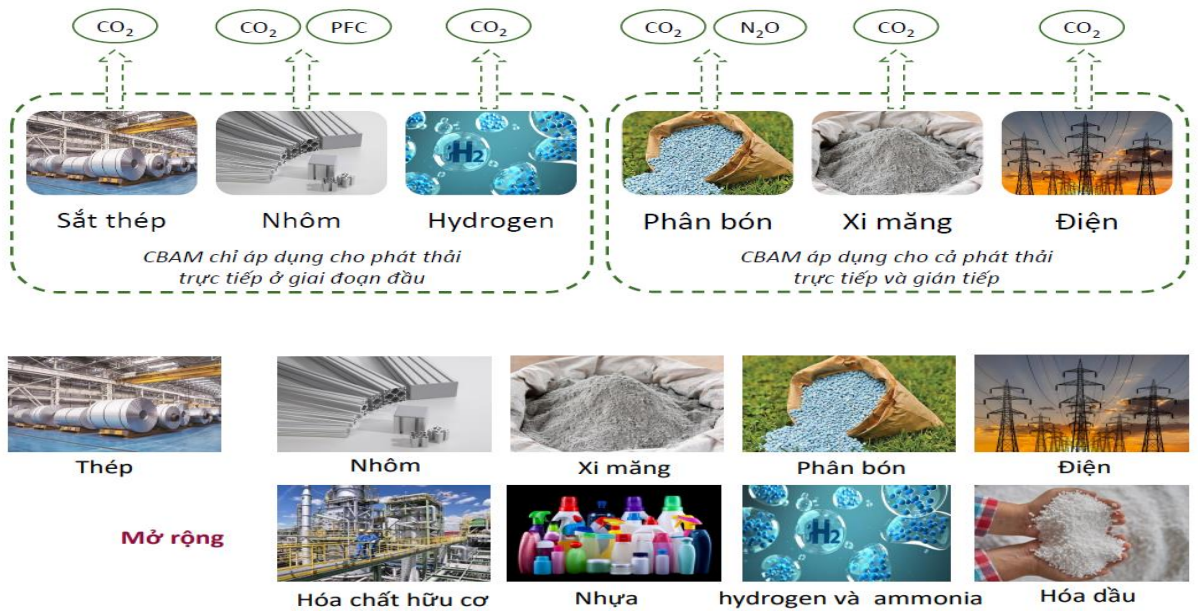
Tất cả hàng hóa nhập khẩu vào EU trong các lĩnh vực công nghiệp có cường độ các-bon cao, chẳng hạn như sắt thép, nhôm, xi măng, phân bón và điện, sẽ phải nằm trong phạm vi điều chỉnh của cơ chế CBAM. Nhà nhập khẩu sẽ phải mua 1 chứng chỉ CBAM cho mỗi tấn Carbon Dioxide tương đương (CO<sub>2td</sub>) có trong sản phẩm nhập khẩu vào EU. Một tấn CO<sub>2td</sub> có nghĩa là một tấn của bất kỳ sự kết hợp nào của khí CO<sub>2</sub>, nitơ oxit (NO<sub>2</sub>) và perfluorocarbon (PFCs). Giá của chứng chỉ CBAM sẽ dựa trên giá trung bình hàng tuần của giá đầu giá 1 tấn CO<sub>2td</sub> trong hệ thống EU ETS và sẽ được Ủy ban Châu Âu công bố rộng rãi và áp dụng thống nhất trong toàn EU. Hàng hóa được lưu giữ tại các cảng sẽ không bị đánh thuế cho đến khi thực sự vào thị trường EU. Trong trường hợp không thể xác minh mức phát thải thực tế, số lượng chứng chỉ CBAM cần thiết sẽ được xác định (1) dựa trên mức trung bình tại quốc gia sản xuất theo dữ liệu hoặc tài liệu có sẵn hoặc (2) sử dụng các giá trị mặc định được đặt ở mức tương ứng với lượng phát thải của 10% các cơ sở sản xuất giảm phát thải khí nhà kính kém hiệu quả nhất ở EU. Trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế CO<sub>2</sub> tại

---

<sup>4</sup> A more detailed discussion of WTO and GATT is presented in the section 5.

nước xuất khẩu, giá chứng chỉ CBAM sẽ được tính bằng chênh lệch giữa giá mua khí thải CO<sub>2</sub> tại EU và giá khí CO<sub>2</sub> tại nước xuất khẩu. Trong trường hợp một sản phẩm được làm từ nhiều vật liệu với các hàm lượng mức các-bon khác nhau, số lượng chứng chỉ CBAM được cấp của sản phẩm đó sẽ được tính bằng tổng hàm lượng các-bon của mỗi loại vật liệu tạo nên sản phẩm.

**Hình 1.2: Phạm vi áp dụng CBAM một số mặt hàng**



Hiện nay, Nga là nhà cung cấp lớn nhất các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của CBAM, tiếp theo đó là Thổ Nhĩ Kỳ, Anh và Trung Quốc.

Các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu có thể mua chứng nhận CBAM từ cơ quan có thẩm quyền được chỉ định ở nước sở tại thuộc thành viên liên minh EU, giá của chứng nhận căn cứ vào giá trung bình theo tuần của “Giá phát thải EU ETS, hiện nay đang ở mức 80 EUR/tấn carbon.

### 1.3.2. Lộ trình triển khai CBAM

Cơ chế CBAM có hiệu lực vào ngày 01 tháng 01 năm 2023 với thời gian chuyển đổi là 3 năm đến ngày 01 tháng 01 năm 2026. Trong thời gian chuyển đổi, doanh nghiệp sẽ không phải chi trả cho các chứng chỉ CBAM, với mục tiêu tạo điều kiện cho việc triển khai cơ chế suôn sẻ và giảm nguy cơ gián đoạn thương mại. Bên tiến hành khai báo sẽ báo cáo hàng quý về lượng phát thải tương ứng với lượng nhập khẩu của họ trong quý trước, nêu chi tiết về lượng phát thải trực tiếp và gián tiếp và báo cáo bất kỳ mức giá phát thải khí nhà kính nào được trả ở nước ngoài. Cơ quan hải quan sẽ thông báo cho người khai báo về các nghĩa vụ CBAM, mặc dù sẽ không có thanh toán nào được thực hiện và việc trao đổi dữ liệu với các cơ quan có thẩm quyền là để sử dụng trong tương lai khi cơ chế CBAM vận hành chính thức.

Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, cơ chế CBAM sẽ được vận hành chính thức. Vi phạm các quy định của cơ chế CBAM sẽ bị xử phạt tương tự như trong hệ thống ETS của EU. Sổ tay hướng dẫn hệ thống ETS của EU lưu ý rằng nếu một tổ chức thuộc hệ thống ETS trong trường hợp chậm thời hạn hàng năm của hệ thống để nộp lại hạn ngạch phát thải, thì sẽ có nguy cơ phải kích hoạt các thủ tục xử phạt. Kể từ năm 2013, tiền phạt nếu không nộp đủ lại hạn ngạch là €100 cho mỗi tấn CO<sub>2</sub>td, được

điều chỉnh theo lạm phát. Mức phạt này do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên áp dụng. Ngoài ra, việc không tuân thủ đầy đủ sau đó được thêm vào mục tiêu phát thải của năm sau. Nói cách khác, bất kỳ sự không tuân thủ nào sẽ không được xóa bỏ, mà được giải quyết bằng cách thêm vào nghĩa vụ của năm tiếp theo.<sup>5</sup>

**Hình 1.3: Lộ trình triển khai CBAM**



Nguồn: Nghị viện Châu Âu (2022)

**Bảng 1.1: Hạn ngạch miễn phí của EU ETS và CBAM theo thời gian**

	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034
<b>Hạn ngạch miễn phí ETS(%)</b>	7.5	5	0	7.5	1.5	9	5	4	0
<b>CBAM (%)</b>	0.5	2	5	1	2	4	6	73	8

Nguồn: Nghị viện Châu Âu (2022)

## 2. Hiện trạng một số ngành hàng xuất khẩu có cường độ cac-bon cao của Việt Nam

### 2.1. Xi Măng

Việt Nam là nước sản xuất và xuất khẩu xi măng lớn trên thế giới, năng lực sản xuất clanke sẽ đạt trên 100 triệu tấn/năm.

Trong quá trình phát triển, ngành xi măng Việt Nam đã không ngừng hiện đại hóa công nghệ sản xuất, giảm tiêu hao nguyên, nhiên liệu, điện năng và đã đạt được những kết quả ban đầu khá tốt.

Chính phủ Việt Nam đã đặt ra các mục tiêu cụ thể cho các năm mốc 2030 và 2050 về mức độ hiện đại hóa công nghệ cũng như giảm chi phí sản xuất, giảm phát thải KNK.

**Bảng 2.1: Sản lượng và XK xi măng giai đoạn 2018-2022**

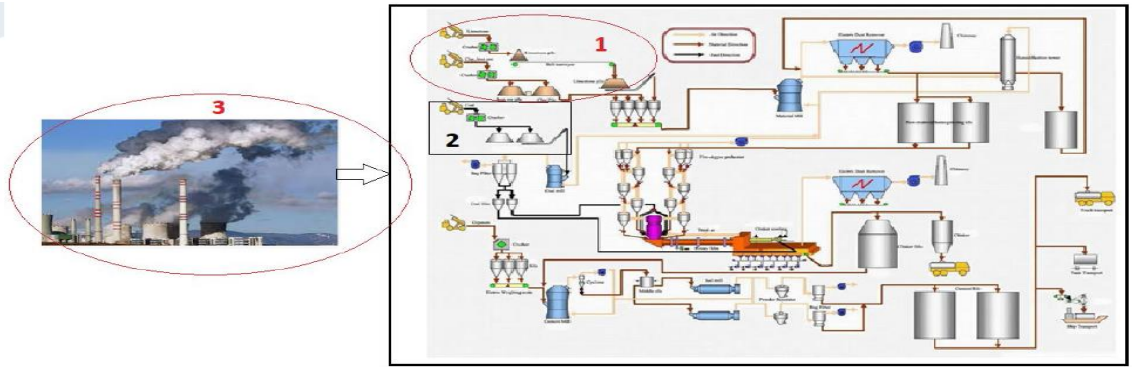
Sản phẩm	Sản lượng (triệu tấn/năm)					Sản phẩm	Xuất khẩu (triệu tấn/năm)				
	2018	2019	2020	2021	2022		2018	2019	2020	2021	2022
<b>Clanke</b>	77,6	78,4	80	86,4	79,8	<b>Clanke</b>	22,90	22,69	23,21	28,89	15,95
<b>Xi măng</b>	97	98	100	108	99,7	<b>Xi măng</b>	9,10	11,40	14,81	16,81	15,99

Ghi chú (\*): Tính tỉ lệ clanke/xi măng = 0.80

Nguồn: Hiệp hội xi măng

<sup>5</sup> [https://ec.europa.eu/clima/sites/clima/files/docs/ets\\_handbook\\_en.pdf](https://ec.europa.eu/clima/sites/clima/files/docs/ets_handbook_en.pdf)

**Hình 2.1: Nguồn phát thải CO2 trong sản xuất xi măng**

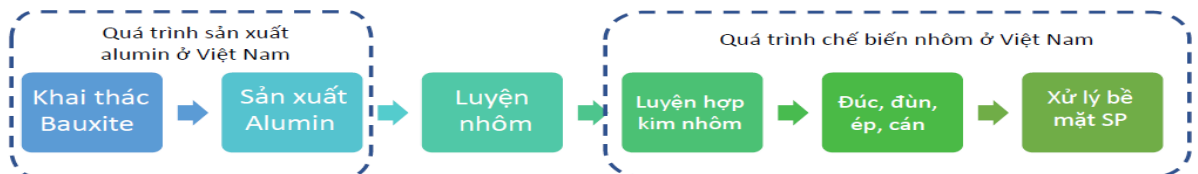


- Phát thải CO2 trong sản xuất xi măng: khi sản xuất clinker, phát thải khi nghiền xi măng và phát thải khi sản xuất các phụ gia khoáng.
- *Quá trình sản xuất clinker có hai nguồn CO2 chính:*
  - + Nguyên liệu thô cần được đốt nóng, nhiệt năng này theo truyền thống ở dạng nhiên liệu hóa thạch.
  - + Quá trình nung, trong đó CaCO3 (Canxi cacbonat) được chuyển thành CaO (Canxi Oxit) và CO2 (Carbon Dioxid).

**2.2. Nhôm**

Ở Việt Nam, ngành công nghiệp bauxite-alumin mới chỉ phát triển trong hơn 10 năm trở lại đây. Toàn bộ lượng alumin sản xuất tại Việt Nam đều được xuất khẩu. Việt Nam hiện chưa có năng lực luyện nhôm, doanh nghiệp trong ngành nhôm vẫn hoàn toàn phụ thuộc vào nhôm thỏi, phôi nhôm nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm từ nhôm.

**Hình 2.2: Quá trình sản xuất nhôm**



**Sản lượng sản xuất và xuất khẩu nhôm**

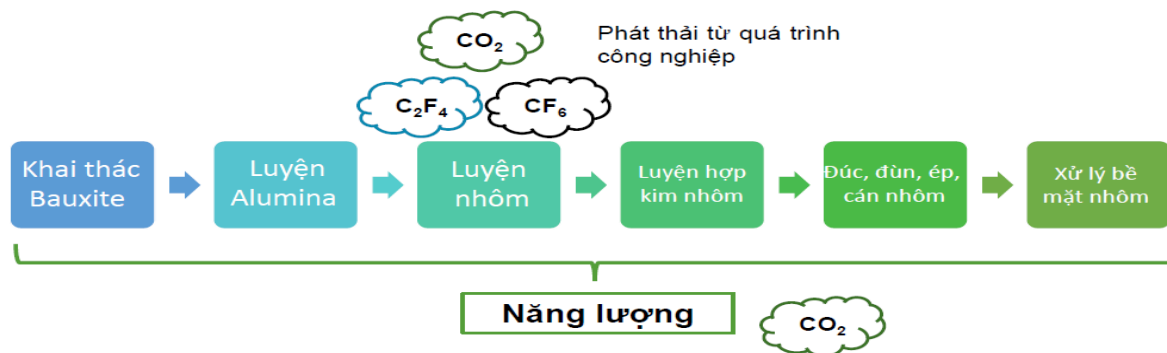
Sản lượng trong nước		
Năm	Sản lượng alumin (triệu tấn)	Sản lượng nhôm gia công (triệu tấn)
2018	1,03	1,31
2019	1,33	1,37
2020	1,42	1,39
2021	1,42	1,4

Nguồn: Statista

Giá trị xuất khẩu			
Năm	Thế giới (triệu USD)	EU	
		Giá trị (triệu usd)	Tỷ trọng (%)
2018	1,163.77	56.09	4.82%
2019	1,270.78	64.83	5.10%
2020	1,419.21	56.33	3.97%
2021	2,039.21	198.00	9.71%
2022	2,127.61	307.66	14.46%

Nguồn: Trademap.org

**Hình 2.3: Nguồn phát thải trong quá trình sản xuất nhôm**



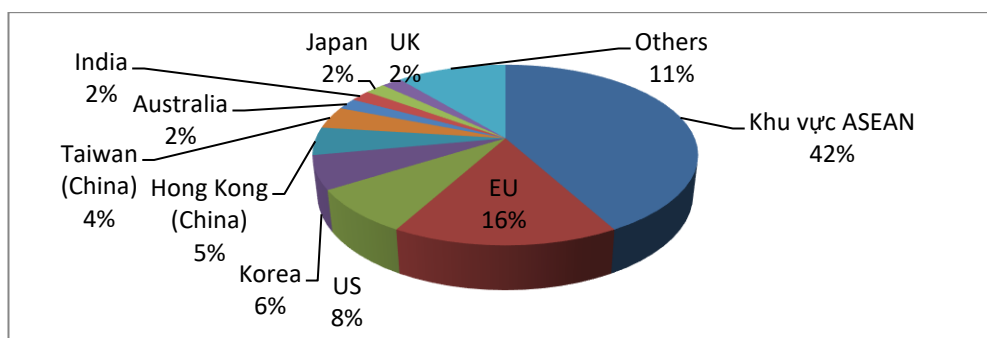
### Các biện pháp giảm phát thải đối với sản xuất nhôm

- Tăng hiệu quả năng lượng, nâng cao hiệu suất các thiết bị điện (động cơ, máy nén, chiếu sáng...)
- Giảm tổn thất nhiệt lò nung trong quá trình luyện hợp kim, đúc, đùn ép, cán nhôm
- Thêm phụ gia (than hoạt tính) để giảm lượng tổn thất trong quá trình luyện nhôm

### 2.3. Thép

Theo VSA, sản xuất thép thô của Việt Nam đạt gần 20 triệu tấn, đứng vị trí số 1 Đông Nam Á và đứng thứ 13 thế giới năm 2022. Năm 2022, Việt Nam sản xuất gần 20 triệu tấn thép thô, trong đó thép BOF khoảng 13 triệu tấn và thép EAF gần 7 triệu tấn. Với sản lượng này, ngành thép dự kiến sẽ thải ra khoảng 38 -40 triệu tấn CO<sub>2</sub> trong năm 2021.

**Hình 2.3: Tỷ trọng các thị trường xuất khẩu thép của Việt Nam năm 2022**



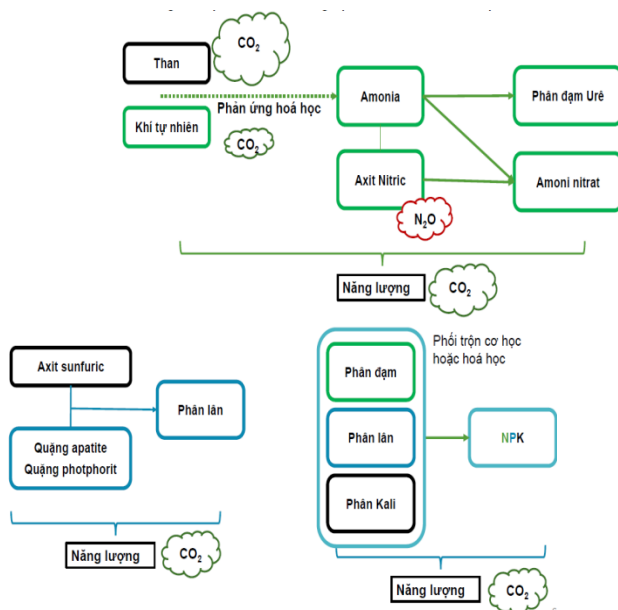
Nguồn: Hiệp hội thép

Ngành thép toàn cầu trong xu hướng trung hòa các bon: Than đá góp phần tạo nên khoảng 70 % sản lượng thép toàn cầu (2022: 1,878 tỷ tấn); Phát thải CO<sub>2</sub> cao hơn lượng thép sản xuất ra (khoảng 2 tấn CO<sub>2</sub>/1 tấn thép); Phát thải CO<sub>2</sub> của ngành thép chiếm khoảng 7-9% phát thải toàn cầu (3,7 tỷ tấn CO<sub>2</sub>); Chưa thể thay thế hết vật liệu thép, dự báo nhu cầu 2050 khoảng 2,2 tỷ tấn; Sản xuất thép không phát thải CO<sub>2</sub> cần lượng năng lượng xanh khổng lồ và tăng cường sản xuất năng lượng xanh lại cần lượng thép khổng lồ.

### 2.4. Phân Bón

Cả nước có hơn 800 cơ sở sản xuất phân bón. Nhu cầu sử dụng phân bón trong nước khoảng 10,5 triệu tấn/năm, trong đó khoảng 7,6 triệu tấn phân bón vô cơ. Hiện tại, Việt Nam chưa xuất khẩu sản phẩm phân bón vô cơ sang EU

**Hình 2.4: Nguồn phát thải trong quá trình sản xuất phân bón**



### 3. Tác động của CBAM đối với một số ngành hàng phát thải cao của Việt Nam

CBAM ban đầu sẽ áp dụng đối với 6 loại hàng hóa nhập khẩu có nguy cơ ô nhiễm cao là sắt và thép, xi măng, nhôm, phân bón, điện và hydro. Cơ chế này dự kiến sẽ có tác động đáng kể đến các nền kinh tế đang xuất khẩu nhiều mặt hàng liên quan sang EU. Đối với Việt Nam, CBAM có thể gây ra sự sụt giảm khoảng 100 triệu USD kim ngạch xuất khẩu từ các ngành liên quan.

Ngành thép Việt Nam được ước tính là bị ảnh hưởng nhiều nhất do riêng năm 2022, tổng lượng thép Việt Nam xuất khẩu khoảng 8,4 triệu tấn với giá trị xuất khẩu đạt 7,99 tỷ USD, trong đó EU chiếm 16% (khoảng 1,3 triệu tấn). Khi CBAM được triển khai, một tấn thép xuất khẩu sang EU có thể phải chịu thêm chi phí khoảng 80 USD, tương đương 10% giá xuất khẩu.

*Dự báo tác động của CBAM đến ngành thép (vào năm 2030):*

- + Sản lượng có thể giảm đến 0.8%, khoảng 0.4 triệu tấn.
- + Tổng giá trị xuất khẩu ước tính có thể giảm đến xấp xỉ 3.6%, khoảng 0.7 tỷ USD.
- + Giá trị xuất khẩu đến EU ước tính có thể giảm đến 51.2% hay khoảng 1.1 tỷ USD.
- + Nếu Việt Nam áp dụng định giá các bon cho ngành thép, sản lượng và xuất khẩu có thể giảm với lượng doanh thu ước tính từ định giá các bon khoảng 1.2 tỷ USD và lượng phát thải giảm khoảng 4.9 triệu tCO<sub>2</sub>e.

Các lĩnh vực bị ảnh hưởng khác bao gồm nhôm và xi măng. Các doanh nghiệp xuất khẩu cũng sẽ phải chịu thêm chi phí hành chính cho việc theo dõi, báo cáo và xác minh lượng khí thải có trong các sản phẩm xuất khẩu.

Đối với clanke/ximăng VN xuất khẩu vào EU sẽ chịu mức thuế cac-bon rất lớn do suất phát thải cao, vì chi phí năng lượng SX cao và tỉ lệ sử dụng NLTT thấp hơn so



với EU. Theo Hiệp hội Xi măng, sản lượng và xuất khẩu xi măng Việt Nam năm 2022 (Clanke: sản xuất 79.8tr tấn, xuất khẩu 15.95tr tấn, xi măng: sản xuất 99.7tr tấn, xuất khẩu 15.99tr tấn).

Hệ lụy là CBAM sẽ phần nào giảm đi khả năng cạnh tranh xuất khẩu của Việt Nam. Và khi CBAM được triển khai ở cấp độ toàn diện hơn, bao phủ toàn bộ chuỗi giá trị đầu vào sản xuất thì tác động của cơ chế này còn lớn hơn nữa. Thêm vào đó, nếu các quốc gia khác như Vương quốc Anh, Canada và Nhật Bản theo bước của EU và áp dụng CBAM của riêng họ thì CBAM lúc này dần mang tính chất quy chuẩn quốc tế.

#### **4. Một số giải pháp ứng phó với CBAM**

CBAM trong định dạng đề xuất hiện nay chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến một phần nhỏ của toàn bộ nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, đối với các nhà xuất khẩu tới EU bị ảnh hưởng trực tiếp, tác động sẽ là rất lớn. Trong tương lai, phạm vi của CBAM có thể mở rộng hơn (VD: mở rộng tới gốm sứ, bột giấy và giấy - những vật liệu nằm trong ETS của EU) và do đó cũng trở nên liên quan hơn với Việt Nam. Đồng thời, Vietnam có thể phải đối mặt với những chi phí gián tiếp đáng kể nếu những nhà xuất khẩu hàng hóa CBAM bao gồm (nhôm, phân bón, xi măng,...) thực hiện việc tăng giá để bù đắp những chi phí từ việc kế toán và báo cáo hệ thống khí nhà kính (GHGs accounting and reporting system).

Hoàn toàn có thể giảm thiểu cường độ phát thải trong những lĩnh vực mục tiêu của CBAM. Do đó, việc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, thực hiện những chính sách kinh tế có khả năng thúc đẩy sự tiếp nhận của công nghệ hiện đại hơn, từ đó nâng đem đến sự giảm thiểu đáng kể trong việc phát thải và tăng cường khả năng cạnh tranh cho những lĩnh vực mục tiêu của CBAM.

##### **4.1. Đối với Chính phủ**

- Đàm phán, đối thoại và làm rõ các quy định là rất quan trọng để giảm thiểu các tác động tiêu cực (“chiều sâu” của phạm vi CBAM đến đâu, khả năng mở rộng CBAM sang các mặt hàng xuất khẩu khác của Việt Nam; phản ứng của các quốc gia ngoài EU, một số có thể áp dụng CBAM giống EU, tìm kiếm các điều kiện thuận lợi để thực thi CBAM.

- Tăng cường ETS trong nước để tránh mức thuế biên giới cao của EU và đẩy nhanh các nỗ lực khử cacbon.

- Phát triển hệ thống định giá các-bon trong nước: sẽ giảm thiểu tác động của CBAM, EU sẽ xem xét điều chỉnh, áp dụng phù hợp đối với sản phẩm nhập khẩu có xuất xứ từ các quốc gia đã áp dụng công cụ định giá các-bon, có nỗ lực nhằm giảm phát thải khí nhà kính: (i) đây là một phần cam kết của Việt Nam trong NDC (ii) định giá cacbon sẽ hỗ trợ Việt Nam đạt được các mục tiêu giảm phát thải.

- Tạo dựng khung pháp lý đầy đủ cho việc bảo hộ đầu tư Việt Nam – EU:

+ Các doanh nghiệp Việt Nam tham gia CBAM sẽ được hưởng lợi từ việc chuyển đổi đầu vào sản xuất từ nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng tái tạo như hydro xanh và áp dụng các công nghệ sử dụng và lưu trữ carbon

+ Tăng cường năng lực giám sát, báo cáo và xác minh

##### **4.2. Đối với Doanh nghiệp và ngành hàng**

- Giảm cường độ phát thải của các sản phẩm Việt Nam đang xuất khẩu bằng giải pháp thay đổi công nghệ, thay đổi nguyên liệu đầu vào, nâng cao hiệu suất các thiết bị điện (động cơ, chiếu sáng...). Áp dụng Công nghệ thu giữ các-bon (CCS), thu hồi CO trong quá trình sản xuất amoni để lưu trữ hoặc sử dụng trong các quá trình khác.

- Xây dựng báo cáo phát thải và phải kiểm soát tốt lượng phát thải trong toàn bộ chuỗi sản xuất, giảm phát thải trong từng công đoạn sản xuất của các ngành.

- Khử carbon ngành điện và phát triển năng lượng tái tạo: các ngành CBAM tiêu thụ một lượng lớn điện năng, việc khử cacbon trong ngành điện sẽ góp phần đáng kể vào việc giảm phát thải trong các ngành này.

- Thực hiện tốt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định số 1658/QĐ-TTg) và Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 (Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022). Tham gia với chính phủ trong bối cảnh những chính sách giảm Carbon được áp dụng như định giá Carbon và tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo.

- Bắt đầu lập kế hoạch cho CBAM, bao gồm việc xem xét chi phí mua chứng chỉ CBAM cũng như các chiến lược giảm thiểu. Doanh nghiệp cần theo dõi sự phát triển của CBAM.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Các tiêu chuẩn xanh của EU và tác động tới xuất khẩu của Việt Nam (2022), Tạp chí doanh nghiệp và tự do hóa thương mại, Hà Nội.
2. Liên hợp quốc (2016), Hiệp định toàn cầu về chống biến đổi khí hậu
3. Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân (2022), Khảo sát về hiểu biết của doanh nghiệp Việt Nam về các tiêu chuẩn xanh của EU , Ban IV thuộc Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ.
4. World Bank (2022), Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và phát triển, Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế, Washington DC 20433, Hoa Kỳ.

# **THE IMPACT OF THE EU'S CARBON BORDER ADJUSTMENT MECHANISM (CBAM) ON SOME OF VIETNAM'S HIGH-CARBON-INTENSIVE EXPORT INDUSTRIES AND PROPOSED SOLUTIONS TO RESPONSE**

***Ngô Đức Thành, Nguyễn Hồng Thơm***

*The European Parliament adopted a Resolution in favor of the adoption of a WTO-compatible Carbon border adjustment mechanism (CBAM) in March 2021. The European Commission has published the CBAM proposal in the European Green Agreement, for certain sectors, to reduce the risk of carbon leakage. This ensures that import prices more accurately reflect the carbon content and comply with World Trade Organization rules and other EU international obligations. The mechanism is an alternative to the measures to address the risk of carbon leakage in the EU Emissions Trading System (“ETS”) and is intended to reduce carbon emissions through reallocating production or increasing imports of lower-carbon products to avoid an increase in total global emissions. The article examines the EU CBAM and outlines some possibilities that may affect Vietnam's exports to the EU market in the near future.*

**Keywords:** *Carbon border adjustment mechanism (CBAM); European Union (EU); Export.*